



2023恒生「新一代」乒乓球大比拚
女子B組(8歲組)-賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



1	龐雅尤	龐雅尤		
X	-			
X	-	GB-13 / 22-Oct / 15:25 / T0		
4	洪紫恩	洪紫恩		
5	莫凱盈	莫凱盈	GB-45 / 22-Oct / 16:40 / T0	
X	-			
X	-	GB-14 / 22-Oct / 15:25 / T0		
8	吳浣彤	吳浣彤		GB-Q-1
9	樊貝如	樊貝如		
X	-			
11	呂樂怡			
12	胡煒楹			
13	楊凱晴	楊凱晴		
X	-			
X	-	GB-16 / 22-Oct / 15:25 / T0		
16	曾曉如	曾曉如		
17	鄧凱藍	鄧凱藍		
X	-			
X	-	GB-17 / 22-Oct / 15:25 / T0		
20	李恩苗	李恩苗		
21	陳曉嵐			
22	馬欣翹			
X	-			
24	歐陽晞瑜	歐陽晞瑜		GB-Q-2
25	胡彥晴	胡彥晴		
X	-			
27	蔡譽晴			
28	譚雅然			
29	胡詠梓	胡詠梓		
X	-			
X	-	GB-20 / 22-Oct / 15:25 / T0		
32	潘芷瑩	潘芷瑩		



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼
女子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



33	金穎煊	金穎煊			
X	-				
			GB-21 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
36	蕭卓凝	蕭卓凝			
			GB-49 / 22-Oct / 16:40 / T0		
37	黃心玥				
	GB-4 / 22-Oct / 14:35 / T0				
38	盧卓瞳				
			GB-22 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
40	韓皓雪	韓皓雪			
					GB-Q-3
				GB-63 / 23-Oct / 10:50 / T0	
41	吳曉瞳	吳曉瞳			
X	-				
			GB-23 / 22-Oct / 15:50 / T0		
43	楊憶萱				
	GB-5 / 22-Oct / 15:00 / T0				
44	范凱琳				
			GB-50 / 22-Oct / 16:40 / T0		
45	謝奕思	謝奕思			
X	-				
			GB-24 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
48	梁卓蔚	梁卓蔚			
49	劉詠淇	劉詠淇			
X	-				
			GB-25 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
52	陳穎晴	陳穎晴			
			GB-51 / 22-Oct / 16:40 / T0		
53	梁凱晴				
	GB-6 / 22-Oct / 15:00 / T0				
54	樊諾潼				
			GB-26 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
56	黃心瑜	黃心瑜			
					GB-Q-4
				GB-64 / 23-Oct / 10:50 / T0	
57	史奕萱	史奕萱			
X	-				
			GB-27 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
60	許雅恩	許雅恩			
			GB-52 / 22-Oct / 16:40 / T0		
61	彭詩晴	彭詩晴			
X	-				
			GB-28 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-				
64	羅晞欣	羅晞欣			



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



65	歐子澄	歐子澄			
X	-		GB-29 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-	呂紫喬			
68	呂紫喬			GB-53 / 22-Oct / 17:05 / T0	
69	徐逸多	徐逸多			
X	-		GB-30 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-	廖苑雅			
72	廖苑雅				GB-Q-5
73	陳樂桐	陳樂桐			
X	-		GB-31 / 22-Oct / 15:50 / T0		
75	陳迦瑜				
	GB-7 / 22-Oct / 15:00 / T0				
76	楊詠心				
77	鄭宛芯	鄭宛芯			
X	-		GB-32 / 22-Oct / 15:50 / T0		
X	-	楊旻熙			
80	楊旻熙			GB-54 / 22-Oct / 17:05 / T0	
81	彭悅呈	彭悅呈			
X	-		GB-33 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	潘祉好			
84	潘祉好				
85	周潔筠				
	GB-8 / 22-Oct / 15:00 / T0				
86	陳芊好				
	GB-34 / 22-Oct / 16:15 / T0				
X	-	黃思齊			
88	黃思齊				GB-Q-6
89	陳貝兒	陳貝兒			
X	-		GB-35 / 22-Oct / 16:15 / T0		
91	梁可悠				
	GB-9 / 22-Oct / 15:25 / T0				
92	莊善媛				
93	蔡敏儀	蔡敏儀			
X	-		GB-36 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	譚芷盈			
96	譚芷盈			GB-56 / 22-Oct / 17:05 / T0	



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：荃灣西約體育館

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



97	伍趣柔	伍趣柔			
X	-		GB-37 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	溫樂恩			
100	溫樂恩			GB-57 / 22-Oct / 17:05 / T0	
101	黃綽盈				
	GB-10 / 22-Oct / 15:25 / T0				
102	龍卓蔚		GB-38 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	張喜晴			
104	張喜晴				GB-Q-7
				GB-67 / 23-Oct / 10:50 / T0	
105	蔣佩柔	蔣佩柔			
X	-		GB-39 / 22-Oct / 16:15 / T0		
107	李梓鈴				
	GB-11 / 22-Oct / 15:25 / T0				
108	羅梓翹			GB-58 / 22-Oct / 17:05 / T0	
109	劉希好	劉希好			
X	-		GB-40 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	何芯藍			
112	何芯藍				
113	馬采萱	馬采萱			
X	-		GB-41 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	張茗涵			
116	張茗涵			GB-59 / 22-Oct / 17:05 / T0	
117	吳芷如				
	GB-12 / 22-Oct / 15:25 / T0				
118	吳睿晴		GB-42 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	徐曉晴			
120	徐曉晴				GB-Q-8
				GB-68 / 23-Oct / 10:50 / T0	
121	李靖瑜	李靖瑜			
X	-		GB-43 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	蔡雨函			
124	蔡雨函			GB-60 / 22-Oct / 17:05 / T0	
125	鄭安喬	鄭安喬			
X	-		GB-44 / 22-Oct / 16:15 / T0		
X	-	謝依樺			
128	謝依樺				



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

女子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



Stage II

第5頁/共5頁

GB-Q-1	#N/A				
	GB-69 / 23-Oct / 13:20 / T0				
GB-Q-2	#N/A				
		GB-73 / 23-Oct / 14:35 / T0			
GB-Q-3	#N/A				
	GB-70 / 23-Oct / 13:20 / T0				
GB-Q-4	#N/A				冠軍
			GB-75 / 23-Oct / 15:50 / T0		
GB-Q-5	#N/A				
	GB-71 / 23-Oct / 13:20 / T0				
GB-Q-6	#N/A				
		GB-74 / 23-Oct / 14:35 / T0			
GB-Q-7	#N/A				
	GB-72 / 23-Oct / 13:20 / T0				
GB-Q-8	#N/A				亞軍
					季軍
					第5至8名